

Báo cáo Kinh tế vĩ mô và Thị trường Tài chính

Hà Nội, Tháng 4/2026

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính

VIỆT NAM 2026: VƯỢT SÓNG BIẾN ĐỘNG, CHINH PHỤC MỤC TIÊU

- ◆ PHẦN 1

TÓM TẮT

- ◆ PHẦN 2

KINH TẾ THẾ GIỚI

- ◆ PHẦN 3

KINH TẾ VIỆT NAM

- ◆ PHẦN 4

PHỤ LỤC

Tóm tắt

Kinh tế Thế giới:

- ▶ Eo biển Hormuz tiếp tục là điểm nóng, khiến giá dầu Brent neo cao sát mức 100 USD/thùng.
- ▶ Kể cả khi Hormuz được khai thông, giá dầu nhiều khả năng vẫn sẽ giữ ở mức cao hơn so với thời điểm trước khi xung đột Mỹ - Iran nổ ra do hạ tầng sản xuất cần thời gian phục hồi, rò phá thủy lôi, và ùn tắc chuỗi cung ứng kéo dài.
- ▶ Giá dầu neo cao sẽ gây ảnh hưởng mạnh tới các nền kinh tế lớn trên toàn thế giới, đặc biệt là tại châu Âu và châu Á, những nơi có sự phụ thuộc nhất định vào nhập khẩu dầu từ Trung Đông.
- ▶ Hành động tiếp theo của các NHTW trở nên khó đoán khi họ đều sẽ phải cân nhắc giữa kiểm soát lạm phát và hỗ trợ kinh tế. Fed vẫn có thể cắt lãi suất một lần vào cuối năm trong khi các NHTW tại Nhật Bản hay Châu Âu có khả năng cân nhắc việc nâng lãi suất.
- ▶ Chiến sự Mỹ - Iran cũng đem đến nguy cơ cho hệ thống Petrodollar khi Iran đẩy mạnh thanh toán bằng đồng nhân dân tệ (CNY).

Kinh tế Việt Nam:

- ▶ Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP tốt ở mức 7,83% trong quý 1/2026, các quý tiếp theo sẽ gặp nhiều khó khăn khi rủi ro địa chính trị, lạm phát gia tăng và nhu cầu toàn cầu suy yếu. Dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 trong kịch bản cơ sở ở mức 7,0%.
- ▶ Việt Nam ghi nhận thâm hụt thương mại khoảng 3,6 tỷ USD trong quý 1/2026. Chúng tôi giữ nguyên dự báo xuất khẩu và nhập khẩu sẽ duy trì tăng trưởng ở mức hai chữ số trong năm 2026.
- ▶ Tổng vốn FDI đăng ký vẫn đạt 12,5 tỷ USD, tăng 32% YoY, trong đó vốn đăng ký vào các dự án mới tăng mạnh 140% YoY. Thu hút vốn FDI ổn định nhờ hạ tầng khu công nghiệp hoàn thiện, môi trường chính trị - vĩ mô ổn định và định hướng nhất quán thu hút FDI công nghệ.
- ▶ Tiến độ giải ngân đầu tư công đã bắt đầu cải thiện, riêng trong tháng 3, giá trị giải ngân đạt 73,6 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi kỳ vọng giải ngân cả năm sẽ đạt 90% kế hoạch.
- ▶ Lạm phát tháng 3 tăng 4,7 YoY, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng. Chúng tôi điều chỉnh dự báo lạm phát cả năm lên mức 4,0–4,5%.
- ▶ Dự báo tỷ giá USD/VND trong cả năm sẽ tăng trung bình khoảng 2,0–2,5%.
- ▶ Kỳ vọng giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh, cùng với sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan quản lý trong việc ổn định và từng bước hạ mặt bằng lãi suất.

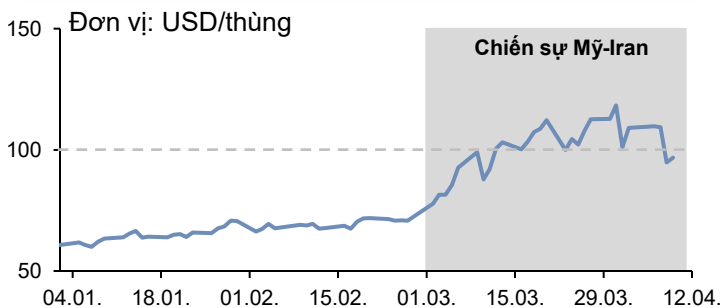
Kinh tế thế giới

Xung đột Mỹ - Iran không còn là một câu chuyện địa chính trị xa xôi mà đã trở thành tâm điểm định hình lại bức tranh kinh tế toàn cầu. Như chúng tôi từng đề cập, dầu thô chính là cơ chế dẫn truyền những biến động từ chiến trường vào thẳng túi tiền của mỗi cá nhân và sức khỏe của mọi doanh nghiệp. Dù eo biển Hormuz - nút thắt của dòng chảy năng lượng toàn cầu, đã có thêm hi vọng để được tháo gỡ sau thỏa thuận ngừng bắn hai tuần giữa Mỹ và Iran, nhưng đó hoàn toàn có thể chỉ là một 'khoảng lặng mong manh' trước một bài toán chưa có lời giải cuối cùng. Khi bất định lên ngôi, việc quản trị rủi ro không còn là lựa chọn mà là một ưu tiên mà chúng tôi tiếp tục muốn nhấn mạnh tới quý độc giả trong ấn phẩm này.

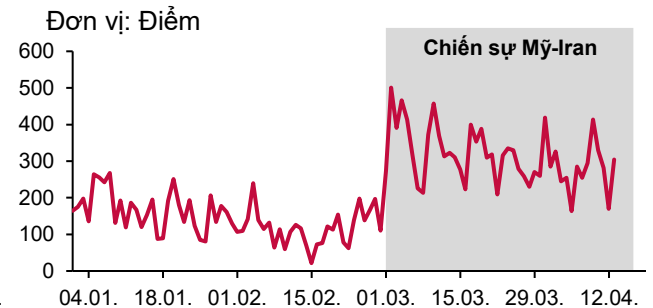
Những diễn biến leo thang của chiến sự khiến giá dầu neo ở mức cao ...

Kể từ những cập nhật trong ấn phẩm tháng 3/2026, "Yết hầu" Hormuz vẫn duy trì trạng thái bị phong tỏa, khiến phần lớn trong tỷ trọng khoảng 20% tổng nguồn cung dầu đi qua eo biển này không thể chạm tới phần còn lại của thế giới (Chỉ khoảng 20-30% có thể được bù lại thông qua các đường ống và hải trình thay thế). Một số động thái hỗ trợ tâm lý thị trường, ví dụ như thông báo xả 400 triệu thùng dầu từ kho dự trữ chiến lược của các quốc gia thuộc Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã giúp giá dầu Brent có phiên hạ nhiệt đáng kể, giảm ~11,3% vào ngày 10/03/2026. Tuy nhiên, khi vấn đề cốt lõi tại Hormuz chưa được giải quyết với lưu lượng tàu đi qua eo biển này chỉ duy trì khoảng 5-10% lưu lượng trước chiến sự theo các dữ liệu theo dõi hàng hải chính thống, cộng hưởng với những động thái leo thang chiến sự khác, giá dầu Brent sớm tìm lại ngưỡng 100 USD/thùng và neo ở vùng giá ba chữ số trong nửa sau của tháng 3 và đầu tháng 4.

Hình 1: Giá dầu Brent neo ở vùng gần ba chữ số



Hình 2: Chỉ số rủi ro địa chính trị vẫn ở mức cao



...với thỏa thuận ngừng bắn chỉ là "một khoảng lặng mong manh".

Căng thẳng đạt đỉnh điểm với bản tối hậu thư yêu cầu phía Iran phải ngay lập tức mở lại eo biển Hormuz của Tổng thống Trump, khiến cả thị trường phải "nín thở" đếm ngược tới thời hạn cuối cùng của tối hậu thư là 20h ngày 07/04/2026 (giờ miền đông Mỹ). Cuối cùng, nhờ nỗ lực trung gian của Pakistan, điều tòi tệ nhất vẫn chưa xảy ra thông qua một thỏa thuận ngừng bắn tạm thời trong 2 tuần. Dù điều này đã ngay lập tức giúp giá dầu Brent giảm mạnh khoảng 13,3% tính theo thời điểm giá đóng cửa ngày 8/4/2026 ...

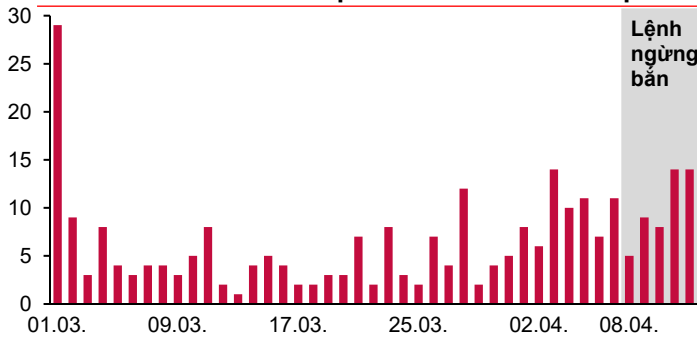
Kinh tế thế giới (tiếp)

... là 94,75 USD/thùng, mức này vẫn cao hơn ~33% so với trước chiến sự và chưa xa vùng giá trên 100 USD/thùng của nửa cuối tháng 03, thể hiện rõ quan điểm của thị trường: tuy đã vơi đi nhiều "sợ hãi" nhưng vẫn còn đó những quan ngại với các bước ngoặt có thể xảy ra sau đó.

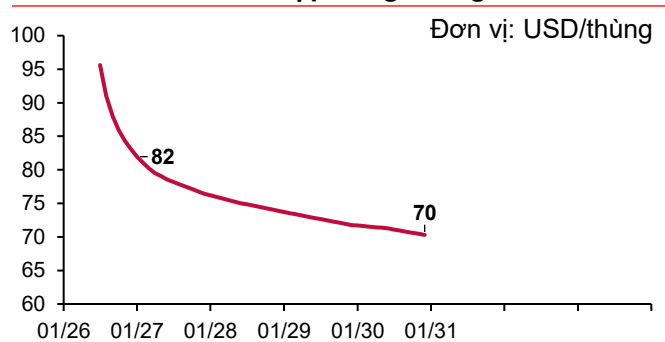
Cục diện của các vòng đàm phán tiếp theo vẫn là ẩn số

Và thực tế đã chứng minh nỗi lo đó là đúng: đàm phán hậu thỏa thuận ngừng bắn giữa Mỹ và Iran vào ngày 12/04/2026 không thành công và ông Trump đã lệnh cho hải quân Mỹ phong tỏa eo biển Hormuz. Vấn đề tình trạng của eo biển Hormuz đã là một dấu hỏi lớn từ sau khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực: số lượng tàu thuyền được lưu thông vẫn hạn chế khi chỉ có 5 tàu đi qua eo biển Hormuz vào ngày 8/4/2026. Với việc Mỹ trực tiếp can thiệp kiểm soát eo biển như hiện nay, lưu lượng tàu thuyền dự báo vẫn sẽ duy trì ở mức thấp và sau cùng, vẫn chưa có gì đảm bảo cho viễn cảnh mà tất cả chúng ta đều mong đợi: chiến sự sớm kết thúc và dòng chảy của Hormuz được khai thông.

Hình 3: Số tàu qua Hormuz vẫn rất thấp



Hình 4: Giá các hợp đồng tương lai dầu Brent



Khi eo biển Hormuz chính thức mở lại hoàn toàn, giá dầu vẫn khó sớm quay lại mức trước chiến tranh

Kể cả khi eo biển này được mở lại hoàn toàn, dòng chảy năng lượng qua đây vẫn cần nhiều thời gian để hồi phục. Thứ nhất, các tiến trình hồi phục sản lượng của các nước vùng Vịnh chịu thiệt hại do ảnh hưởng từ các cuộc công kích lên cơ sở hạ tầng. Thứ hai, qua trao đổi với một số chuyên gia am hiểu về vấn đề, chúng tôi được biết rằng sẽ cần từ vài tuần tới vài tháng để hoàn toàn gỡ bỏ hệ thống thủy lôi và tái lập hoạt động hàng hải an toàn. Thứ ba, việc giải tỏa tình trạng ùn tắc tàu bè, điều phối lại lịch trình vận tải bị gián đoạn và làm chuỗi cung ứng trở lại bình thường cũng đòi hỏi khoảng thời gian đáng kể. Chính vì những lí do đó, chúng tôi chia sẻ quan điểm của EIA rằng rủi ro gián đoạn nguồn cung dầu thô vẫn sẽ cao hơn so với thời điểm trước chiến sự và đòi hỏi duy trì một phần bù rủi ro cao trong các mô hình dự báo giá dầu – điều này phần nào được thể hiện qua giá của hợp đồng tương lai dầu Brent các kỳ hạn cuối năm 2026 vẫn giữ mức trên 80 USD/thùng (dữ liệu quan sát tại ngày 15/4/2026), cao hơn khoảng 23% thời điểm trước chiến sự. Ngoài ra, chúng tôi cũng không loại trừ khả năng việc thu lệ phí các tàu chở hàng sẽ trở...

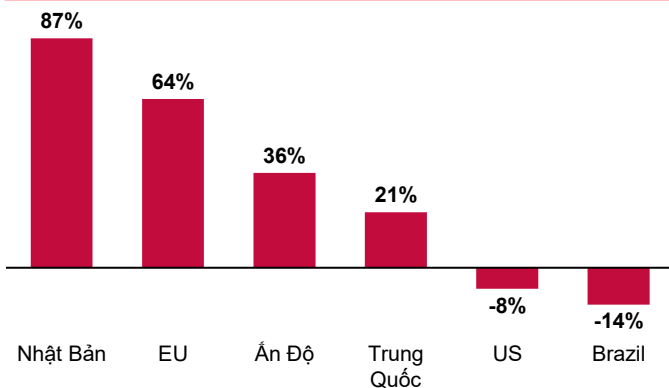
Kinh tế thế giới (tiếp)

... thành một phần trong bối cảnh hậu chiến tranh. Hiện tại, dù chưa có nguồn nào xác nhận thông tin chính xác về mức lệ phí này, con số 2 triệu USD/tàu thường được nhắc đến, tương đương ~1 USD/thùng với giá định đối tượng áp dụng là loại tàu chở dầu thô siêu lớn (tàu VLCC).

Kinh tế tại châu Á và châu Âu dự kiến tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng từ giá năng lượng cao

Với góc nhìn giá dầu thô tiếp tục neo cao do gián đoạn nguồn cung như vậy, chúng tôi cho rằng nền kinh tế tại nhiều nước châu Á và châu Âu sẽ chịu áp lực lớn trong thời gian tới - đây chính là những "kẻ thua cuộc thầm lặng" trong cuộc chiến mà chính họ không hề tham gia. Hiện tại ở khắp châu Á, rất nhiều cơ sở đã phải hạn chế sản xuất và một số trạm xăng chỉ có thể cung cấp nhiên liệu giới hạn – hệ quả từ việc quá phụ thuộc vào nguồn dầu khí tới từ Trung Đông: Nhật Bản nhập tới 95% dầu và 11% LNG; Hàn Quốc phụ thuộc khoảng 70% dầu và 20% LNG; Ấn Độ nhập hơn một nửa lượng dầu và 2/3 LNG; còn Trung Quốc phụ thuộc khoảng một nửa dầu và 1/3 LNG từ khu vực này. Tệ hơn, tính theo vị trí địa lý giữa châu Á và vùng Vịnh, phần lớn những chuyến hàng chở dầu từ trước thời điểm chiến tranh nổ ra đã cập bến, khiến sự khan hiếm nguồn cung sẽ ngày càng được cảm nhận rõ hơn chừng nào eo biển vẫn giữ trạng thái đóng. Châu Âu cũng không phải ngoại lệ khi giá xăng và dầu diesel tăng vọt - dù sở hữu kho dự trữ chiến lược khổng lồ lên tới 450 triệu thùng, lục địa này vẫn phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt trầm trọng do các tàu chở dầu từ vùng Vịnh đang bị hút ngược về phía châu Á, nơi người ta sẵn sàng chi trả mức giá cao hơn. Hệ quả là, tăng trưởng dự báo của nhiều quốc gia châu Âu và châu Á bị điều chỉnh giảm theo báo cáo mới nhất của OECD phát hành cuối tháng 3 vừa qua.

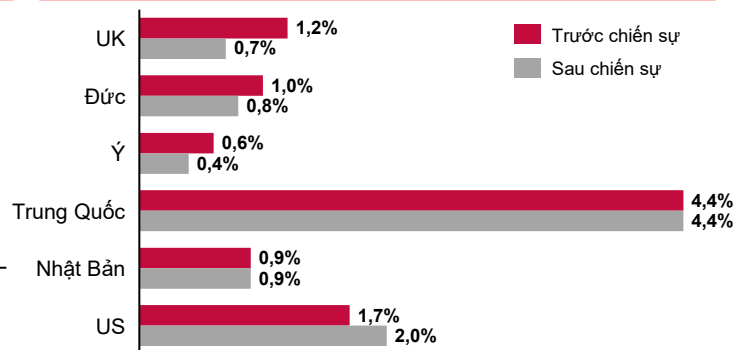
Hình 5: Mức độ phụ thuộc năng lượng nhập khẩu



Nền kinh tế Mỹ không miễn nhiệm với khủng hoảng năng lượng

Dù ở vị thế vững chắc hơn rất nhiều so với các nước khác trên thế giới trước cú sốc dầu thô nhờ vào sự tự chủ nguồn cung dầu thô đã được củng cố qua nhiều thập kỷ, Mỹ vẫn không hoàn toàn miễn nhiệm với những hệ lụy từ thực tế này. Giá xăng tại Mỹ đã vượt mức 4 USD/gallon, còn diesel khoảng

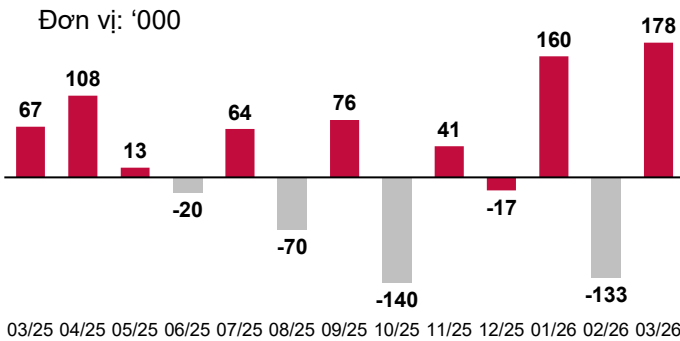
Hình 6: Dự báo tăng trưởng GDP của OECD



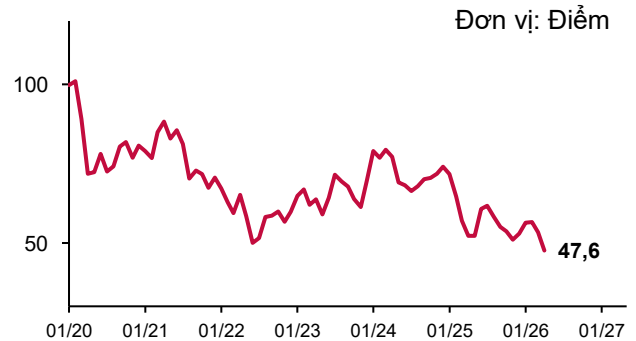
Kinh tế thế giới (tiếp)

... 5,6 USD/gallon tức là đều đã tăng hơn 40% so với mức trước chiến sự, gây ảnh hưởng nhiều đến những người dân Mỹ đang chật vật vì lạm phát và các doanh nghiệp có hoạt động phụ thuộc lớn vào nhiên liệu. Các chuyên gia cũng cảnh báo về tình trạng thiếu hụt các loại hàng hóa mà Mỹ đang phụ thuộc vào nguồn đi qua eo biển Hormuz như phân bón hay helium – những đầu vào thiết yếu cho các ngành nông nghiệp, thiết bị y tế và sản xuất chip. Bên cạnh đó, những khó khăn của châu Âu gián tiếp ảnh hưởng tới Mỹ khi sức mua của khách hàng quốc tế suy giảm giữa lúc nền kinh tế của chính họ đang lao đao. Những vấn đề này sẽ càng trầm trọng với từng ngày chiến sự tiếp diễn và eo biển Hormuz còn tắc nghẽn. Hệ quả tất yếu là chỉ số niềm tin người tiêu dùng đã rơi xuống 47,4 trong tháng 4/2026 - mức thấp kỷ lục trong lịch sử khảo sát của chỉ số này do nỗi lo về giá năng lượng đất đỏ và các tác động sâu rộng khác của chiến sự.

Hình 7: Số việc làm phi nông nghiệp Mỹ năm qua



Hình 8: Niềm tin người tiêu dùng Mỹ sụt giảm



Chúng tôi cho rằng FED vẫn có thể cắt lãi suất một lần trong năm nay ...

Việc đưa lạm phát tại Mỹ về mức mục tiêu 2% vốn đã gặp nhiều trở ngại, nay càng trở nên gian nan trước sự cộng hưởng của giá nhiên liệu tăng vọt và ảnh hưởng dai dẳng của thuế quan. Những biến động này đang đẩy Fed vào thế bị động, khiến các quyết định lãi suất sắp tới sẽ phụ thuộc nhiều vào dữ liệu thực tế để đánh giá liệu lạm phát lõi có bị tác động tiêu cực bởi các yếu tố ngoại biên này hay không. Hiện tại, dù kinh tế Mỹ đã có những dấu hiệu giảm tốc nhất định - thể hiện qua GDP Quý 4 và tần suất các tháng có chỉ số việc làm (NFP) âm gia tăng trong một năm trở lại đây, nhìn chung nền kinh tế vẫn chưa rơi vào tình trạng quá khó khăn để kích hoạt các đợt cắt giảm mạnh tay, nhất là khi tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức ổn định. Trong khi đó, ở chiều ngược lại, bản ghi chép của cuộc họp Fed tháng 3 được công bố vào ngày 08/04/2026 vừa qua thậm chí đã cho thấy thái độ của một bộ phận các thành viên Fed ngày càng cởi mở với việc tăng lãi suất. Dù vậy, chúng tôi không nghiêng về kịch bản này trong ngắn hạn khi áp lực lạm phát hiện tại tại Mỹ vẫn chưa đủ 'tệ' để Fed chấp nhận rủi ro bóp nghẹt nền kinh tế bằng một đợt tăng lãi suất mới - minh chứng qua số liệu CPI tháng 3 mới được công bố ...

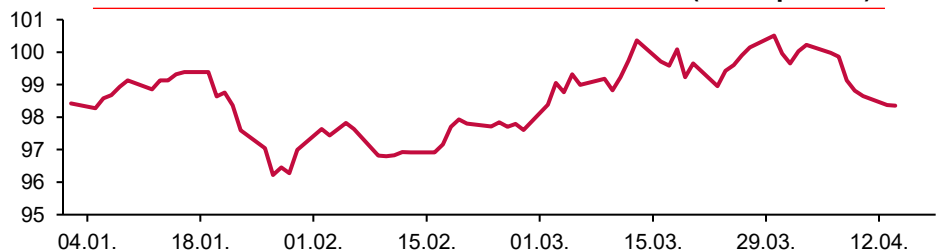
Kinh tế thế giới (tiếp)

... vẫn thấp hơn kỳ vọng của thị trường (Dự báo 3,4% so với thực tế 3,3%). Thêm vào đó, việc xuất hiện Chủ tịch Fed mới vào tháng tới cũng khiến dự báo về lộ trình lãi suất trở nên khó định đoạt hơn. Trước bối cảnh đó, chúng tôi tạm thời đưa ra nhận định Fed có thể sẽ thực hiện một lần cắt giảm lãi suất duy nhất trong năm nay, dự kiến vào giai đoạn cuối năm khi các tác động từ giá dầu và thuế quan lên lạm phát trở nên rõ ràng hơn. Tuy nhiên, nếu các tác động này quá mạnh khiến lạm phát vượt tầm kiểm soát, việc Fed ngưng hoàn toàn chu kỳ cắt giảm là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

... trong khi một số NHTW lớn khác sẽ có thể tăng lãi suất

Như đã phân tích ở trên, giá dầu nhiều khả năng tiếp tục neo cao khiến các nền kinh tế tại Châu Âu và Châu Á có thể rơi vào trạng thái "đình lạm" dạng nhẹ, khi tăng trưởng chậm lại nhưng lạm phát vẫn tăng. Điều này đẩy các Ngân hàng trung ương (NHTW) vào thế tiến thoái lưỡng nan: tăng lãi suất để kiềm chế giá cả hay giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế đang suy yếu. Dù vậy, thị trường hiện đang nghiêng về kịch bản ưu tiên chống lạm phát: Theo dữ liệu từ ECB-Watch, khoảng 56% thị trường đang đặt cửa ECB sẽ tăng lãi suất một lần từ nay đến tháng 6/2026. Tương tự, BoE (Anh) và BoJ (Nhật Bản) cũng đang được thị trường kỳ vọng sẽ điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt nếu áp lực năng lượng không hạ nhiệt. Đây là những phản ứng được coi là cần thiết để đối phó với rủi ro lạm phát, dù cái giá phải trả có thể là sự giảm tốc về mặt kinh tế.

Hình 9: Diễn biến chỉ số DXY từ đầu năm 2026 (Đơn vị: Điểm)



Chiến sự Mỹ - Iran đem đến nguy cơ suy yếu của hệ thống Petrodollar

Xung đột Trung Đông đang thúc đẩy xu hướng "phi USD hóa" khi Iran và Trung Quốc tận dụng chiến sự để đẩy mạnh thanh toán bằng nhân dân tệ (CNY) tại eo biển Hormuz. Dù CNY hiện chỉ chiếm 2% dự trữ ngoại hối và 3,7% giao dịch xuyên biên giới, những động thái này đang tạo ra sự "xói mòn dần dần", đe dọa vị thế thống trị của đồng bạc xanh trong dài hạn do làm giảm nhu cầu nắm giữ USD cho mục đích mua dầu. Xu hướng của đồng USD sắp tới vẫn rất khó đoán do sự giằng co của hai luồng yếu tố. Một mặt, DXY có thể giảm nếu các ngân hàng trung ương lớn khác tăng lãi suất. Mặt khác, USD vẫn là "hầm trú ẩn" an toàn và Mỹ hiện là quốc gia xuất khẩu dầu ròng nên có thể hưởng lợi khi giá năng lượng leo thang.

Kinh tế Việt Nam

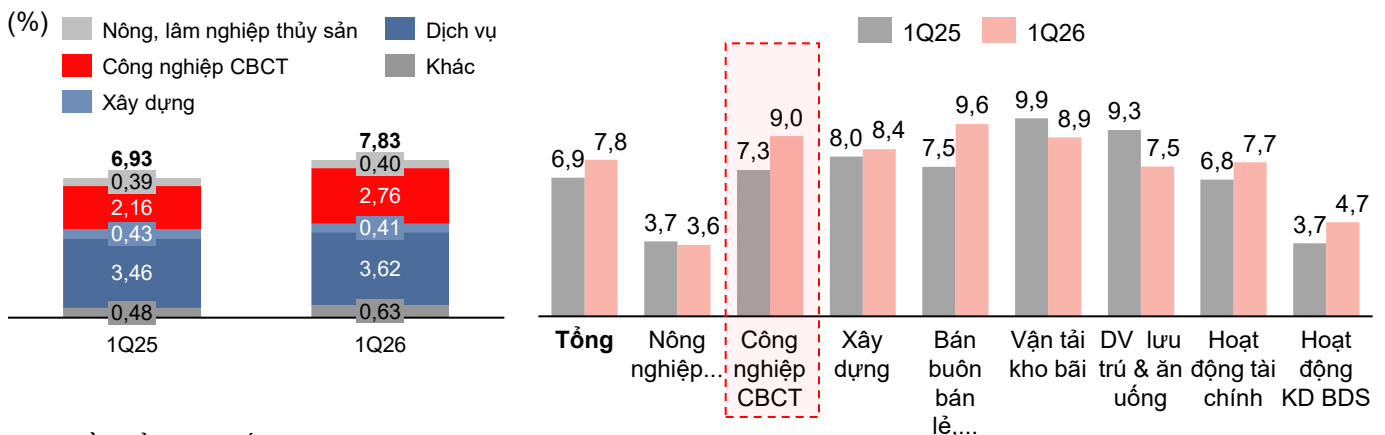
GDP quý 1/2026 tăng trưởng tốt, các quý tiếp theo sẽ gặp nhiều khó khăn khi rủi ro địa chính trị, lạm phát gia tăng và nhu cầu suy yếu. Việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công cùng với chính sách điều hành linh hoạt nhằm ổn định và từng bước giảm mặt bằng lãi suất sẽ đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tăng trưởng GDP quý 1/2026 được khi lĩnh vực sản xuất chế biến, chế tạo cải thiện

Nền kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP 7,83% trong quý 1/2026, đạt được trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều rủi ro và bất định, đặc biệt sau khi xung đột Mỹ – Israel – Iran làm gia tăng căng thẳng địa chính trị và gián đoạn chuỗi cung ứng. Một trong các động lực tăng trưởng đến từ xuất khẩu, nổi bật là nhóm sản phẩm điện tử, đóng góp hơn 40% mức tăng xuất khẩu trong quý, qua đó thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến, chế tạo – lĩnh vực đã đóng góp khoảng 2,8 điểm phần trăm, tương đương hơn 1/3 mức tăng trưởng GDP chung.

Như đã đề cập trong các báo cáo gần đây, công nghiệp chế biến, chế tạo và xuất khẩu vừa là động lực tăng trưởng chính, vừa là khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể khiến tăng trưởng kinh tế chậm lại trong phần còn lại của năm 2026. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành công nghiệp trong tháng 3/2026 đạt 51,2 điểm, vẫn nằm trên ngưỡng mở rộng (50 điểm), song đây là mức cải thiện thấp nhất kể từ tháng 9 năm ngoái. Chi tiết khảo sát cho thấy đơn đặt hàng mới và sản lượng vẫn tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng đã chậm lại đáng kể so với tháng 2. Đáng lưu ý hơn, sau khi chỉ ổn định trong tháng trước, đơn hàng xuất khẩu mới đã giảm mạnh do bối cảnh bên ngoài kém thuận lợi và nhu cầu quốc tế suy yếu, qua đó kéo niềm tin kinh doanh và mức độ lạc quan xuống mức thấp trong sáu tháng. Trong các quý tới, nếu xuất khẩu và sản xuất suy yếu rõ rệt hơn, điều này sẽ tác động trực tiếp đến đà tăng trưởng chung của nền kinh tế, đặc biệt khi các động lực thay thế trong nước chưa đủ mạnh để bù đắp hoàn toàn.

Hình 10: Đóng góp tăng trưởng GDP quý 1 năm 2025-2026 và tăng trưởng của một số ngành

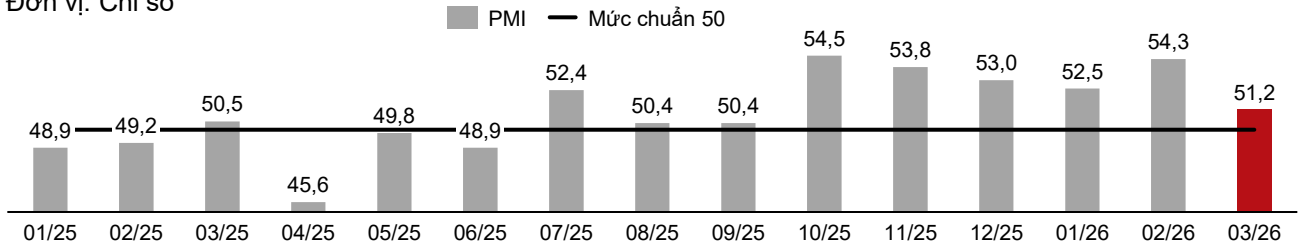


Nguồn: Tổng cục Thống kê (GSO), S&P Global, Phân tích của TCB CIBG Research

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Hình 11: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI)

Đơn vị: Chỉ số

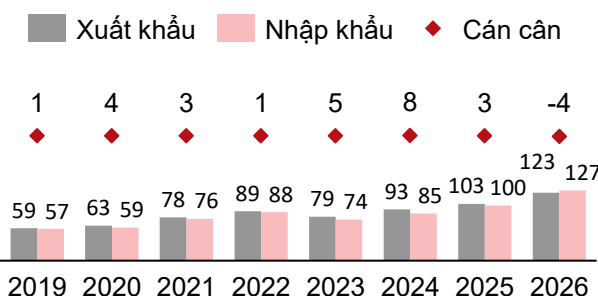


Thặng dư thương mại của Việt Nam đứng trước áp lực thu hẹp do nhập khẩu điện tử lớn và giá dầu tăng

Việt Nam ghi nhận thâm hụt thương mại khoảng 3,6 tỷ USD trong quý 1/2026, chủ yếu xuất phát từ đà tăng mạnh của nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ đầu tư hạ tầng cũng như sản xuất điện tử trong khu vực FDI. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông đẩy giá dầu thế giới tăng cao, làm gia tăng rủi ro đối với cán cân thương mại của Việt Nam – một quốc gia nhập khẩu ròng xăng dầu. Riêng trong tháng 3/2026, giá trị nhập khẩu xăng dầu tăng tới 78% YoY, chịu tác động đồng thời từ yếu tố giá và sản lượng, trong đó riêng yếu tố giá đóng góp khoảng 36%. Diễn biến này khiến tăng trưởng nhập khẩu đạt 27,8% YoY vượt xa tăng trưởng xuất khẩu (19,1%). Ở chiều ngược lại, xuất khẩu trong quý 1/2026 của các nhóm ngành chủ lực như dệt may, giày dép và sản phẩm gỗ chỉ tăng trưởng khiêm tốn ở mức 1–2% YoY. Điều này phản ánh nhu cầu bên ngoài vẫn còn yếu, đồng thời môi trường thuế quan biến động đã gây tác động tiêu cực lên các ngành xuất khẩu truyền thống. Thực tế cho thấy, tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay phụ thuộc gần như phần lớn vào lĩnh vực điện tử (chiếm tỉ trọng hơn 40% giá trị xuất khẩu), với mức tăng trưởng lên tới 30%, chủ yếu do các doanh nghiệp FDI dẫn dắt. Chúng tôi giữ nguyên dự báo xuất khẩu và nhập khẩu sẽ duy trì tăng trưởng ở mức hai chữ số trong năm 2026. Tuy nhiên, do nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu, thặng dư thương mại dự kiến sẽ thu hẹp đáng kể trong năm 2026.

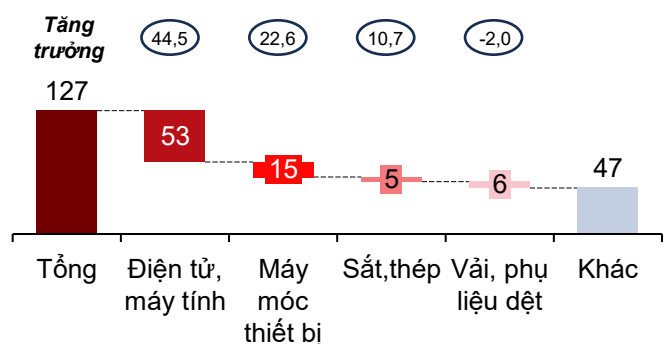
Hình 12: Xuất nhập khẩu quý 1 các năm

Đơn vị: Tỷ USD



Hình 13: Cơ cấu nhập khẩu quý 1 năm 2026

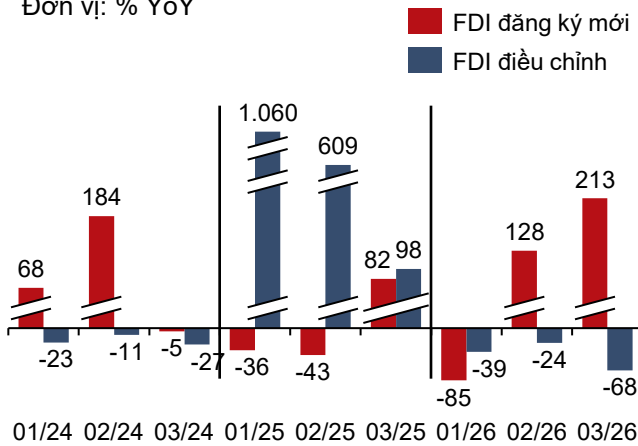
Đơn vị: Giá trị nhập khẩu - Tỷ USD, Tăng trưởng - %



Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Hình 14: FDI đăng ký mới tăng mạnh

Đơn vị: % YoY

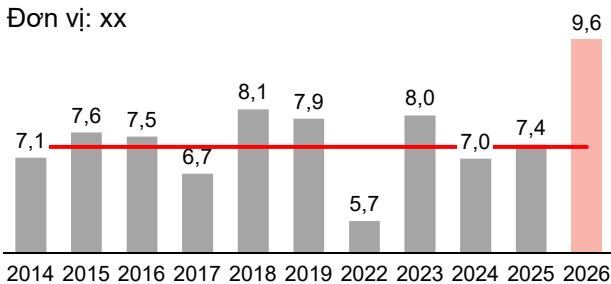


Thu hút vốn FDI ổn định nhờ hạ tầng khu công nghiệp hoàn thiện, môi trường chính trị - vĩ mô ổn định và định hướng nhất quán thu hút FDI công nghệ

Như đã phân tích, khu vực doanh nghiệp FDI tiếp tục giữ vai trò then chốt trong hoạt động sản xuất – thương mại của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực linh kiện điện tử. Mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô quốc tế còn nhiều bất định, tổng vốn FDI đăng ký mới vẫn đạt 12,5 tỷ USD, tăng 32% YoY, trong đó vốn đăng ký vào các dự án mới tăng mạnh 140% YoY, cho thấy các quyết định đầu tư ngày càng mang tính trung – dài hạn. Đáng chú ý, Thái Nguyên vươn lên dẫn đầu cả nước với 5,4 tỷ USD vốn FDI nhờ các dự án điện tử quy mô lớn từ Samsung, RQ Technology Electronics và China Electronics Industry Development (Guangxi). Ngoài ra, Samsung Electronics (SSNLF) cũng dự kiến có kế hoạch xây dựng nhà máy đóng gói chip trị giá 4 tỷ USD tại Thái Nguyên. Qua đó khẳng định vai trò của Việt Nam như một cứ điểm sản xuất chiến lược của các doanh nghiệp điện tử trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Xu hướng này được hỗ trợ bởi nền tảng hạ tầng khu công nghiệp ngày càng hoàn thiện, môi trường chính trị – vĩ mô ổn định và định hướng nhất quán trong thu hút FDI công nghệ cao. Bên cạnh đó, vốn FDI giải ngân tiếp tục duy trì tích cực nhờ các dự án đã được cam kết trước đó, góp phần củng cố triển vọng tăng trưởng sản xuất, xuất khẩu và các ngành công nghiệp phụ trợ trong trung hạn.

Hình 16: Tăng trưởng ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa xe máy, ô tô quý I các năm

Đơn vị: xx



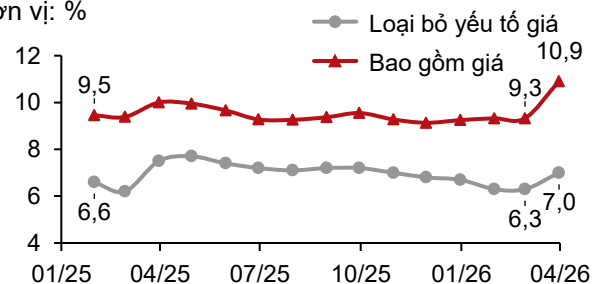
Nguồn: Phân tích của TCB CIBG Research

Hình 15: Cơ cấu nhập khẩu quý I năm 2026

Dự án	Vốn	Ngành
Samsung Electro-Mechanics	1,2 tỷ	Điện tử (PCB)
LNG Nghệ An	2,2 tỷ	Điện
Seojin	453 triệu	Thép
Future Textile	350 triệu	Dệt may
Singvin	380 triệu	Thép
RQ Technology Electronics	400 triệu	Điện tử (PCB)
Samsung semiconductor	100 triệu	Điện tử (Bán dẫn)

Hình 17: Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

Đơn vị: %



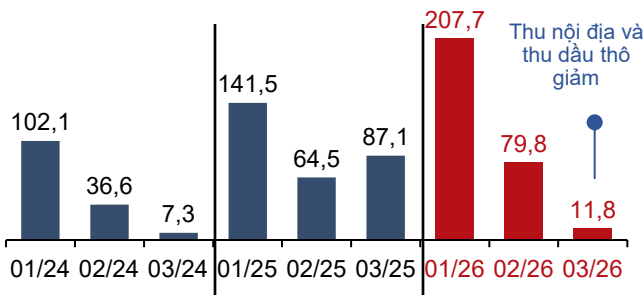
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Nhu cầu tiêu dùng nội địa có cải thiện, nhưng chưa đủ để trở thành trụ cột dẫn dắt tăng trưởng kinh tế

Cầu tiêu dùng đang có dấu hiệu cải thiện, thể hiện qua tăng trưởng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ loại trừ yếu tố giá đạt 7%, cùng với mức tăng trưởng 9,6% của ngành bán buôn – bán lẻ và sửa chữa ô tô, mô tô, cao nhất kể từ năm 2014. Bên cạnh đó, du lịch tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai chữ số với mức tăng 12,5% YoY; lượng khách quốc tế tăng 12,4% YoY, trong khi khách nội địa giữ mức tăng ổn định 4,2% YoY. Trong thời gian tới, Chính phủ dự kiến tiếp tục triển khai các chính sách nhằm cải thiện thu nhập người dân, qua đó hỗ trợ kích cầu tiêu dùng nội địa. Cụ thể, từ 1/7/2026, lương cơ sở được đề xuất tăng 8% lên 2,53 triệu đồng/tháng (tăng 190 nghìn đồng), tương ứng chi ngân sách nhà nước tăng thêm hơn 23 nghìn tỷ đồng. Dù cầu tiêu dùng đã có cải thiện nhưng để đạt mục tiêu tăng trưởng ở mức hai chữ số, cần có thêm các chính sách hỗ trợ đồng bộ và quyết liệt hơn từ cả phía tài khóa lẫn tiền tệ.

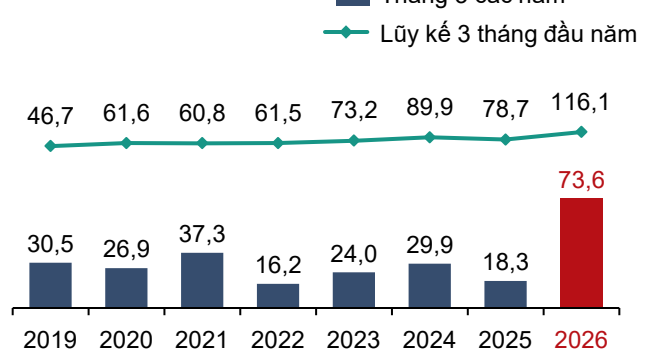
Hình 18: Thặng dư ngân sách từng tháng

Đơn vị: Nghìn tỷ VND



Hình 19: Chi đầu tư công

Đơn vị: Nghìn tỷ VND



Chính phủ đang quyết liệt đưa đầu tư công trở thành động lực tăng trưởng chính

Tại kỳ họp Quốc hội gần nhất, Chính phủ đã đề xuất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 với tổng quy mô vốn khoảng 8,22 triệu tỷ đồng, cao hơn 186% so với giai đoạn 2021–2025. Đáng chú ý, số lượng dự án dự kiến sẽ được cắt giảm tối thiểu 30% so với giai đoạn trước, qua đó cho phép tập trung nguồn lực vào các dự án quy mô lớn, có tính lan tỏa cao, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và rút ngắn tiến độ thực hiện. Điều này phản ánh quyết tâm rõ nét của Chính phủ trong việc xác lập đầu tư công là động lực tăng trưởng chủ đạo xuyên suốt giai đoạn tới.

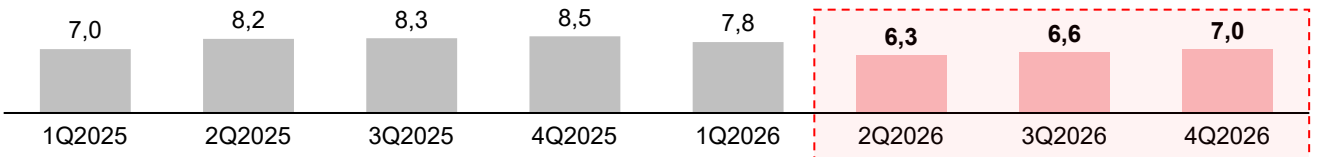
Trên thực tế, tiến độ giải ngân đầu tư công đã bắt đầu cải thiện. Riêng trong tháng 3, giá trị giải ngân đạt 73,6 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh so với các tháng trước đó và cao hơn mức giải ngân cùng kỳ nhiều năm. Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 10% mà Chính phủ đề ra, chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ giải ngân đầu tư công trong năm nay có thể đạt tối thiểu 90% kế hoạch,

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

tương đương hơn 1 triệu tỷ đồng. Chỉ khi giải ngân đạt quy mô lớn như vậy, ngân sách nhà nước mới có khả năng chuyển sang trạng thái thâm hụt đáng kể; trong khi hiện tại, sau ba tháng đầu năm, ngân sách vẫn đang ghi nhận mức thặng dư lớn, ước khoảng 300 nghìn tỷ đồng VND.

Hình 20: Tăng trưởng GDP quý

Đơn vị: % YoY

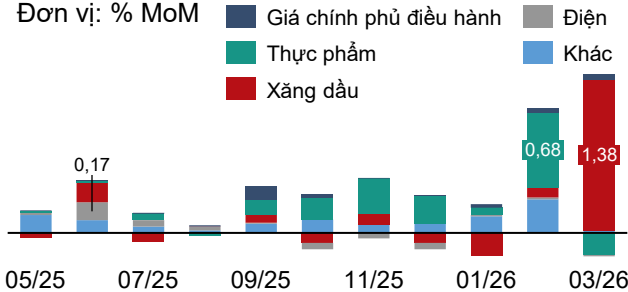


Dự báo tăng trưởng GDP đạt 7% trong năm 2026

Dựa trên các phân tích về những động lực tăng trưởng kinh tế nêu trên, chúng tôi thận trọng xây dựng kịch bản cơ sở với dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 đạt khoảng 7,0%. Theo đó, tăng trưởng trong các quý tới khó duy trì được mức cao như quý 1/2026, trong bối cảnh chưa xuất hiện thêm các chính sách hỗ trợ đủ mạnh và rõ ràng. Môi trường kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và biến động, có thể tác động trực tiếp đến các động lực tăng trưởng chủ chốt của nền kinh tế trong thời gian tới.

Hình 21: Đóng góp vào tăng trưởng CPI tháng

Đơn vị: % MoM

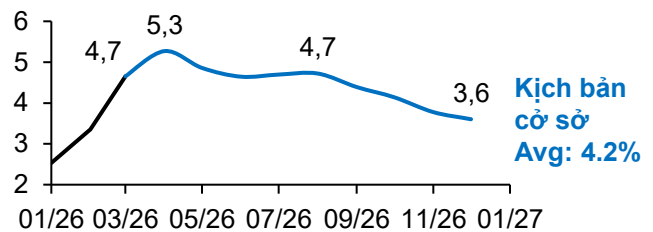


Dự báo lạm phát tăng trong khoảng 4-4,5% trong kịch bản cơ sở

Lạm phát tháng 3 tăng 4,7 YoY, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước liên tục được điều chỉnh tăng theo đà leo thang của giá dầu thế giới, trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị liên quan đến Iran gia tăng. Điều này cho thấy rủi ro lạm phát trong ngắn hạn tăng lên, nguyên nhân từ phía chi phí, đặc biệt là năng lượng và vận tải. Giá dầu tăng không chỉ tác động trực tiếp đến giá nhiên liệu và dịch vụ vận, mà còn lan tỏa sang các nhóm hàng khác thông qua việc làm gia tăng chi phí đầu vào, từ đó tạo áp lực lên giá bán và tiền lương. Đặc biệt, theo báo cáo Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng, gần nửa số người tham gia khảo sát ghi nhận chi phí đầu vào tăng trong tháng 3, với tốc độ mạnh nhất kể từ tháng 4/2022, đồng thời đánh dấu mức lạm phát cao nhất trong gần 15 năm. Trên cơ sở đó, trong kịch bản cơ sở, chúng tôi điều chỉnh dự báo lạm phát cả năm lên mức 4,0–4,5%. Rủi ro lớn nhất đối với triển vọng lạm phát đến từ kịch bản căng thẳng Mỹ – Iran tiếp tục leo thang, khiến giá dầu tăng mạnh và vượt ngoài phạm vi dự báo

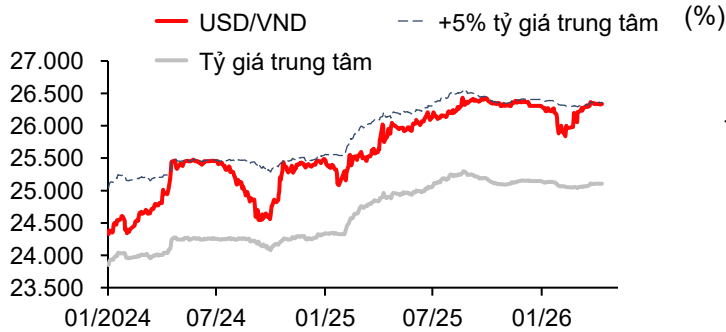
Hình 22: Lạm phát

Đơn vị: % YoY

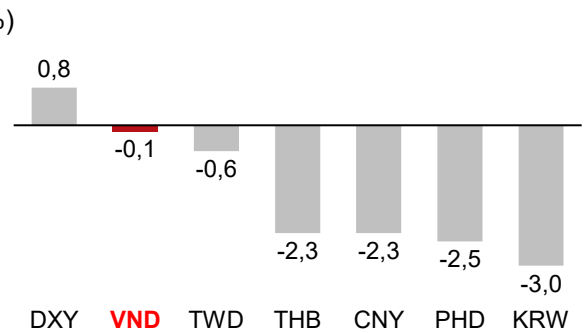


Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Hình 23: Tỷ giá USD/VND và tỷ giá trung tâm



Hình 24: Sức mạnh của các đồng tiền khi so với USD (%)



Tỷ giá đang chịu áp lực tăng khi thặng dư thương mại có nguy cơ thu hẹp, đồng USD mạnh lên và rủi ro địa chính trị tiếp tục leo thang

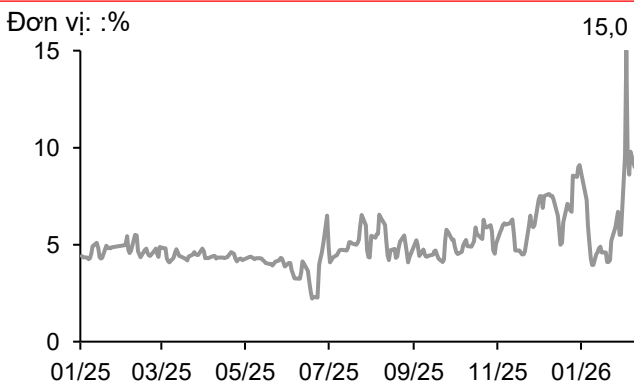
Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị toàn cầu có xu hướng gia tăng, chúng tôi giữ nguyên dự báo tỷ giá USD/VND trong cả năm sẽ tăng trung bình khoảng 2,0–2,5%. Quan điểm này được củng cố bởi ba yếu tố chính sau: **Thứ nhất**, lạm phát tại Mỹ sẽ duy trì ở mức cao, chủ yếu do tác động của giá năng lượng tăng. Điều này làm gia tăng rủi ro Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cắt giảm lãi suất ít hơn so với kỳ vọng của thị trường, hoặc thậm chí trì hoãn. Môi trường lãi suất cao kéo dài sẽ tiếp tục hỗ trợ sức mạnh của đồng USD, thể hiện qua việc chỉ số DXY duy trì xu hướng tăng và neo ở mức cao. Diễn biến này tạo áp lực mất giá lên các đồng tiền tại thị trường mới nổi, trong đó có đồng VND. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung trong khu vực, VND vẫn là một trong những đồng tiền có mức mất giá thấp nhất so với USD. **Thứ hai**, thặng dư thương mại của Việt Nam có nguy cơ thu hẹp, bằng chứng là quý 1 cán cân thương mại vẫn thâm hụt 3,6 tỷ USD. Áp lực gia tăng trong bối cảnh nhập khẩu nguyên vật liệu và máy móc ở mức cao, triển vọng xuất khẩu kém thuận lợi, cùng với chi phí nhập khẩu xăng dầu tăng trong khi Việt Nam hạn chế xuất khẩu mặt hàng này để bảo đảm nguồn cung trong nước, qua đó tiếp tục gây sức ép lên cán cân thanh toán và nguồn cung ngoại tệ. **Thứ ba**, căng thẳng địa chính trị leo thang có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư nước ngoài. Điều này không chỉ khiến dòng vốn FDI và FII có nguy cơ chậm lại, mà còn làm gia tăng xu hướng chuyển lợi nhuận về nước thay vì tái đầu tư. Kết hợp các yếu tố trên, cán cân thanh toán của Việt Nam trong năm nay nhiều khả năng tiếp tục thâm hụt, với quy mô ước tính khoảng 2–4 tỷ USD, từ đó tạo thêm áp lực giảm giá đối với đồng VND. Trong kịch bản rủi ro cao hơn, nếu xung đột địa chính trị kéo dài và lan rộng, áp lực lên tỷ giá USD/VND có thể gia tăng đáng kể, khiến đồng VND mất giá lên tới khoảng 4%. Tuy nhiên, xác suất xảy ra kịch bản này hiện được đánh giá là tương đối thấp.

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

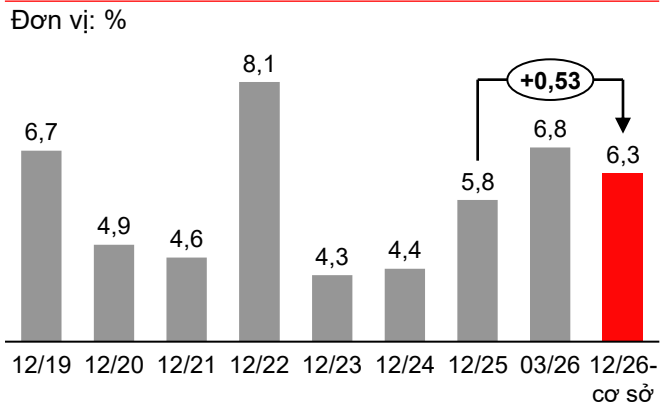
Kỳ vọng giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh, cùng với sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan quản lý trong việc ổn định và từng bước hạ mặt bằng lãi suất

Như đã đề cập ở trên, thặng dư ngân sách duy trì ở mức cao trong khi tăng trưởng tín dụng vượt xa tốc độ tăng trưởng huy động đã và đang gây áp lực đáng kể lên thanh khoản hệ thống ngân hàng cũng như mặt bằng lãi suất trong thời gian qua. Cụ thể, tính đến ngày 24/3, tăng trưởng tín dụng đạt 2,15% từ đầu năm (YTD), cao hơn đáng kể so với mức tăng huy động ước tính chỉ khoảng 0,44% YTD theo Cục Thống kê. Sự chênh lệch này phản ánh áp lực mất cân đối nguồn vốn trong hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh đó, sau cuộc họp giữa Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các tổ chức tín dụng diễn ra ngày 9/4/2026, 20 ngân hàng đã đồng loạt điều chỉnh giảm lãi suất huy động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Theo ước tính sơ bộ của chúng tôi, tính tới ngày 13/4/2026, lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng của nhóm 8 ngân hàng TMCP đã ghi nhận giảm gần 20 điểm cơ bản so với cuối tháng 3. Diễn biến này cho thấy định hướng điều hành mang tính hỗ trợ tăng trưởng của cơ quan quản lý. Chúng tôi đánh giá NHNN vẫn còn dư địa để tiếp tục ổn định và từng bước hạ mặt bằng lãi suất trong thời gian tới, thông qua các công cụ điều tiết như nghiệp vụ thị trường mở (OMO), các giao dịch hoán đổi ngoại tệ (swap), cũng như các chương trình tái cấp vốn có mục tiêu. Tuy nhiên, một số rủi ro tiềm ẩn vẫn cần được theo dõi chặt chẽ do có thể tạo áp lực trở lại lên mặt bằng lãi suất. Thứ nhất, áp lực lên tỷ giá USD/VND có xu hướng gia tăng trong bối cảnh đồng USD tiếp tục duy trì sức mạnh, đồng thời rủi ro địa chính trị là khó đoán. Thứ hai, rủi ro lạm phát tăng cao, đặc biệt khi giá hàng hóa cơ bản và giá dầu diễn biến khó lường, có thể hạn chế dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ. Cuối cùng, tốc độ tăng trưởng tiền gửi có thể chậm lại nếu giải ngân đầu tư công và chi tiêu ngân sách không đạt kỳ vọng, trong bối cảnh ngân sách nhà nước tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư hoặc thâm hụt ở mức thấp.

Hình 25: Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 tuần



Hình 26: Lãi suất huy động 6M của 8 NHTMCP



Phụ lục

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính thế giới

Chỉ báo	Quốc gia	Đơn vị	2025	2025								2026				
				04	05	06	07	08	09	10	11	12	01	02	03	
Tăng trưởng GDP thực	Mỹ	%, YoY, hàng quý	2,1			2,1				2,3						
	EU	%, YoY, hàng quý	1,3			1,5				1,6			1,3			
	Trung Quốc	%, YoY, hàng quý	5,0			5,2				4,8			4,5			
	Nhật Bản	%, YoY, hàng quý	1,0			2,0				1,1						
CPI	Mỹ	%, YoY, hàng tháng	2,7	2,3	2,4	2,7	2,7	2,9	3,0			2,7	2,7	2,7	2,4	3,3
	EU	%, YoY, hàng tháng	2,1	2,2	1,9	2,0	2,0	2,0	2,2	2,1	2,1	2,0	1,7			
	Trung Quốc	%, YoY, hàng tháng	0,1	-0,1	-0,1	0,1	0,0	-0,4	-0,3	0,2	0,7	0,8	0,2	1,3	1,0	
	Nhật Bản	%, YoY, hàng tháng	3,2	3,6	3,5	3,3	3,1	2,7	2,9	3,0	2,9	2,1				
Lãi suất chính sách Fed	%, cuối tháng	3,75	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,25	4,00	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	
DXY	Chỉ số, trung bình hàng tháng	100,8	100,7	100,0	98,4	97,9	98,3	97,7	98,8	99,7	98,6	98,3	97,4	99,5		
USDCNY	Chỉ số, trung bình hàng tháng	7,2	7,30	7,21	7,18	7,17	7,17	7,12	7,12	7,11	7,04	6,97	6,91	6,89		
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm	%, trung bình hàng tháng	4,3	4,3	4,42	4,38	4,38	4,26	4,12	4,05	4,09	4,14	4,21	4,12	4,25		
Giá dầu WTI	USD/thùng, trung bình hàng tháng	64,7	63,0	60,1	67,33	67,24	64,02	63,5	60,1	59,5	57,9	60,3	64,5	91,0		

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam

Chỉ báo	Đơn vị	2025	2025								2026				
			04	05	06	07	08	09	10	11	12	01	02	03	
Tăng trưởng GDP thực	%, hàng quý, YoY	8,0			8,19				8,25			8,46			7,83
IIP	%, hàng tháng, YoY	9,23	8,85	9,41	10,83	8,54	8,90	13,59	10,44	10,76	10,10	21,5	0,60	6,90	
Lạm phát	%, hàng tháng, YoY	3,3	3,12	3,24	3,57	3,19	3,24	3,38	3,25	3,58	3,58	2,53	3,35	4,65	
Tổng mức bán lẻ	%, hàng tháng, YoY	9,2	11,1	10,2	8,3	9,2	10,6	11,3	7,2	7,1	9,8	9,3	9,3	12,1	
FDI đăng ký	tỷ USD, hàng tháng	31,4	2,5	3,6	2,7	1,8	1,7	2,0	2,5	1,4	3,8	2,4	3,2	7,0	
FDI giải ngân	tỷ USD, hàng tháng	27,6	1,8	2,2	2,8	1,9	1,8	3,4	2,5	2,3	4,0	1,7	1,1	2,2	
Xuất khẩu	tỷ USD, hàng tháng	475,0	37,5	39,9	39,6	42,6	43,5	42,8	42,3	39,1	44,9	43,2	33,2	46,6	
Nhập khẩu	tỷ USD, hàng tháng	455,0	36,9	39,0	36,6	40,1	39,7	39,9	39,5	38,2	45,4	45,0	34,4	47,2	
Cán cân thương mại	tỷ USD, hàng tháng	20,0	0,6	0,9	3,0	2,6	3,8	2,8	2,7	1,0	-0,5	-1,8	-1,2	-0,7	
Tăng trưởng huy động	%, YTD		3,8	5,5	8,6	8,0		10,8							
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD		5,3	6,7	9,9	10,2	11,8	13,9	15,3	16,9					
Lợi suất TPCP 10 năm	%, trung bình hàng tháng	3,4	3,04	3,08	3,17	3,26	3,43	3,57	3,73	3,85	3,98	4,09	4,10	4,19	
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, trung bình hàng tháng	4,9	4,4	4,2	3,7	4,9	5,1	4,8	5,2	5,6	7,2	5,1	8,1	7,0	
Lãi suất huy động 6 tháng*	%, trung bình hàng tháng	4,7	4,5	4,5	4,6	4,6	4,6	4,7	4,7	4,9	5,5	6,0	6,0	6,8	
USDVND	trung bình hàng tháng	26.027	25.882	25.959	26.089	25.151	26.294	26.398	26.347	26.349	26.332	26.219	26.014	25.074	

Cập nhật dự báo cả năm cho Việt Nam

Chỉ báo	Đơn vị	2025	2025								2026			Dự báo 2026		
			02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12		01	02
Tăng trưởng GDP thực	%	8,0		7,05			8,19			8,23			8,46			7,0
Lạm phát	%, YoY, bình quân	3,3	2,91	3,13	3,12	3,24	3,57	3,19	3,24	3,38	3,25	3,58	3,58	2,53	3,35	4,0-4,5
Tăng trưởng huy động	%, YTD		0,6	2,5	3,8	5,5	8,6	8,0		10,8						13,8
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD		0,8	3,9	5,3	6,7	9,9	10,2	11,8	13,9	15,3	16,9				16,0
Tỷ giá USDVND	bình quân	26.027	25.437	25.547	25.882	25.959	26.089	26.151	26.294	26.398	26.347	26.349	26.332	26.219	26.014	26.688
Lợi suất TPCP 10 năm	%, 10Y, bình quân	3,4	2,88	2,97	3,04	3,08	3,17	3,26	3,43	3,57	3,73	3,85	3,98	4,09	4,10	4,21
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, bình quân	4,9	4,8	4,5	4,4	4,2	3,7	4,9	5,1	4,8	5,2	5,6	7,2	5,1	8,1	6,0

Ghi chú: (*) Bình quân gia quyền của 8 ngân hàng: TCB, MBB, VPB, VIB, TPB, ACB, STB, MSB

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, Refinitiv, Ngân hàng Nhà nước, VBMA, Phân tích của TCB CIBG Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này (“**Báo cáo**”) do Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) soạn thảo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Khách hàng của Techcombank. Khách hàng có thể sao chép hoặc trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hay toàn bộ Báo cáo này với điều kiện việc sao chép, trích dẫn phải tôn trọng, đảm bảo giữ đúng nội dung và ghi chú rõ ràng nguồn thông tin Báo cáo. Khách hàng chịu mọi trách nhiệm về việc sao chép, trích dẫn của mình cũng như các nội dung sao chép, trích dẫn không tuân thủ nguyên tắc nêu trên.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên các ý kiến chuyên nghiệp được đưa ra một cách cẩn trọng, độc lập và căn cứ vào các nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào ngày ban hành Báo cáo này. Tuy nhiên, mọi nhận định trong báo cáo này chỉ là ý kiến riêng Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính, không đại diện cho ý kiến của Ban lãnh đạo Ngân hàng và cũng hoàn toàn không có định hướng nào về kết quả hoạt động của Techcombank. Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính không cam kết và bảo đảm về sự chính xác, kịp thời, hoàn chỉnh và ổn định của các thông tin trong báo cáo dưới bất kỳ tình huống nào, cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin sau khi báo cáo được phát hành.

Báo cáo này không phải là và không được coi là hoạt động tư vấn hoặc là các khuyến nghị hoặc ý kiến tư vấn đầu tư, tài chính, tư vấn mua, bán bất kỳ sản phẩm nào hoặc tư vấn cho bất cứ hoạt động kinh doanh nào và không nhằm mục đích phục vụ lợi ích của bất kỳ cá nhân/tổ chức nào, bao gồm cả Techcombank và/hoặc các chi nhánh và công ty con của Techcombank. Khách hàng được khuyến cáo nên coi những thông tin được cung cấp trong báo cáo như là một nguồn thông tin tham khảo và Khách hàng nên sử dụng dịch vụ tư vấn, luật sư chuyên nghiệp khi đưa ra các quyết định kinh doanh, đầu tư của mình. Techcombank, tác giả báo cáo, lãnh đạo và/hoặc nhân viên của Techcombank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất cứ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến báo cáo này trong bất kỳ tình huống nào.

Nếu khách hàng có bất kỳ bình luận, câu hỏi hoặc mối quan tâm đặc biệt nào về các thông tin đề cập trong báo cáo xin liên hệ với chúng tôi theo thông tin liên hệ sau:

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính
nhóm Ngân hàng Doanh nghiệp và Định chế Tài chính

TECHCOMBANK

Địa chỉ: 6 Quang Trung, P. Cửa Nam, Hà Nội

Email: Tckh.ptkt@techcombank.com.vn

Website: <https://techcombank.com/thong-tin/nguyen-cuu>